

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK R'LẤP

Số: 2391/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk R'lấp, ngày 22 tháng 10 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Đầu tư đập hồ chứa bùn sau tuyển rửa số 2 phục vụ duy trì sản xuất (Bổ sung lần 3). Địa điểm: Thôn Quảng Sơn, xã Nghĩa Thắng, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông

### ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Khoản 2, Điều 254, Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 725/TTr-TN&MT ngày 18 tháng 10 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Đầu tư đập hồ chứa bùn sau tuyển rửa số 2 phục vụ duy trì sản xuất (Bổ sung lần 3). Địa điểm: Thôn Bù Đốp và thôn Quảng Sơn, xã Nghĩa Thắng, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông, bao gồm:

**1. Tổng số hộ gia đình, cá nhân bổ sung: 08 hộ.**

**2. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 614.191.662 đồng.**

*Bằng chữ: Sáu trăm mười bốn triệu, một trăm chín mươi một nghìn, sáu trăm sáu mươi hai đồng.*

Trong đó:

<b>- Kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân:</b>	<b>602.148.688</b>	<b>đồng</b>
+ Bồi thường về đất đai:	208.828.180	đồng
+ Bồi thường, hỗ trợ về nhà cửa, vật kiến trúc:	93.600.108	đồng
+ Bồi thường, hỗ trợ về cây trồng, hoa màu:	18.035.600	đồng
+ Các khoản chính sách hỗ trợ:	281.684.800	đồng
<b>- Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, GPMB:</b>	<b>12.042.974</b>	<b>đồng</b>

**3. Nguồn kinh phí bồi thường, hỗ trợ:** Do Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Chủ đầu tư) tự nguyện ứng trước để chi trả.

**4. Số hộ gia đình đủ điều kiện bố trí tái định cư:** Không có.

*(Kèm theo phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư)*

**Điều 2.** Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên có liên quan:


1. Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Thắng có trách nhiệm: Niêm yết công khai Quyết định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

2. Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất có trách nhiệm: Phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Thắng phổ biến, niêm yết công khai Quyết định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Thắng và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi; Gửi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư kèm theo Quyết định này đến từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; Thông báo cho người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ. Thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 10 năm 2024.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường; Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch; Giám đốc Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nhà máy Alumina Nhân Cơ - Vinacomin; Chủ tịch UBND xã Nghĩa Thắng; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Công Dũng**

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ**

(Kèm theo Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư)

TT	Họ và tên	Bồi thường, hỗ trợ về đất	Bồi thường, hỗ trợ về nhà, công trình VKT	Bồi thường, hỗ trợ về cây trồng, hoa màu	Chính sách hỗ trợ	Tổng cộng	Ghi chú
1	Nguyễn Thiện (Trương Thị Oanh)	17.657.640	7.045.043	0	26.012.000	50.714.683	
2	Hoàng Thanh Kính (Trương Thị Lòng)	64.136.880	48.113.356	0	95.017.600	207.267.836	
3	Trần Văn Thành (Nguyễn Thị Xuân)	74.649.600	23.739.976	0	110.592.000	208.981.576	
4	Trương Trúc (Hoàng Thị Hoa)	0	2.025.397	0	0	2.025.397	
5	Trương Vĩnh Phát (Nguyễn Thị Triệu Ngân)	0	0	18.035.600	0	18.035.600	
6	Trương Thị Khuyên (Nguyễn Thanh)	36.876.400	4.860.542	0	23.888.000	65.624.942	
7	Trương Hữu Thông (Nguyễn Thị Mỹ Thủy)	7.250.760	7.815.794	0	10.632.800	25.699.354	
8	Nguyễn Truyền (Trương Thị Huỳnh)	8.256.900	0	0	15.542.400	23.799.300	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>208.828.180</b>	<b>93.600.108</b>	<b>18.035.600</b>	<b>281.684.800</b>	<b>602.148.688</b>	

**Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:**

**614.191.662 đồng**

(Số tiền bằng chữ: Sáu trăm mười bốn triệu, một trăm chín mươi một nghìn, sáu trăm sáu mươi hai đồng)

**Trong đó:**

**a/ Tổng kinh phí chi trả cho các hộ dân:**

**602.148.688 đồng**

- Bồi thường, hỗ trợ về đất đai:

208.828.180 đồng

- Bồi thường, hỗ trợ về nhà, công trình VKT:

93.600.108 đồng

- Bồi thường, hỗ trợ về cây trồng, hoa màu:

18.035.600 đồng

- Các khoản chính sách hỗ trợ:

281.684.800 đồng

**b/ Chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, GPMB (2%):**

**12.042.974 đồng**

**PHƯƠNG ÁN LẤY Ý KIẾN VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**  
 DỰ ÁN: ĐẦU TƯ ĐẬP HỒ CHỨA Bùn SAU TUYẾN RỬA SỐ 2 PHỤC VỤ DUY TRÌ SẢN XUẤT (BỔ SUNG LẦN 3)  
 ĐỊA ĐIỂM: THÔN BÙ ĐÓP, THÔN QUẢNG SƠN, XÃ NGHĨA THẮNG, HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG  
 (Kèm theo Quyết định số 2391/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk R'lấp)

STT	Kết cấu công trình/Các loại cây trồng	ĐVT	Số lượng	Loại	Hệ số khác	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Tỷ lệ (%)	Hệ số điều chỉnh	Thành tiền (ĐVT: đồng)	Ghi chú	Nội dung khác
<b>I</b>	<b>HỘ ÔNG NGUYỄN THIỆN VÀ BÀ TRƯỜNG THỊ OANH</b>								<b>50.714.683</b>		
<b>A</b>	<b>ĐẤT ĐAI (=I+II)</b>								<b>17.657.640</b>		
<b>I</b>	Trừ đi số tiền đã tính hỗ trợ tại Quyết định số 3455/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của UBND huyện Đắk R'lấp								<b>-14.857.360</b>		
<b>II</b>	<b>Bồi thường bổ sung về đất (LÔ 2)</b>	m <sup>2</sup>	<b>937,3</b>						<b>32.515.000</b>		
1	Đất trồng cây lâu năm không giáp đường (Thửa số 34, mảnh trích đo số 01-2021)	m <sup>2</sup>	605,5			40.000			24.220.000		
2	Đất nuôi trồng thủy sản (Thửa số 32, mảnh trích đo số 01-2021)	m <sup>2</sup>	149,9			25.000			3.747.500		
3	Đất nuôi trồng thủy sản (Thửa số 33, mảnh trích đo số 01-2021)	m <sup>2</sup>	181,9			25.000			4.547.500		
<b>B</b>	<b>NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC</b>								<b>7.045.043</b>		
1	Khối lượng đất đào ao: Sâu 2m (Thửa 32, mảnh trích đo địa chính số 01-2021). Diện tích 149,9m <sup>2</sup>	m <sup>3</sup>	299,8			27.000	0,4	0,983	3.182.797	Vận dụng đơn giá tại Phần B, mục I.1 QĐ số 23/2021/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông	Tại Quyết định số 3455/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 đã được hỗ trợ 60% đơn giá, nay điều chỉnh tính thêm 40% đơn giá
2	Khối lượng đất đào ao: Sâu 2m (Thửa 33, mảnh trích đo địa chính số 01-2021). Diện tích 181,9m <sup>2</sup>	m <sup>3</sup>	363,8			27.000	0,4	0,983	3.862.246		

STT	Kết cấu công trình/Các loại cây trồng	ĐVT	Số lượng	Loại	Hệ số khác	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Tỷ lệ (%)	Hệ số điều chỉnh	Thành tiền (ĐVT: đồng)	Ghi chú	Nội dung khác
<b>C</b>	<b><u>CÂY TRỒNG, HOA MÀU</u></b>								<b>0</b>		
<b>D</b>	<b><u>CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ</u></b>								<b>26.012.000</b>		
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất LNC - Thửa số 34, mảnh trích đo số 01-2021)	m <sup>2</sup>	605,5			32.000		1	19.376.000	Theo Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông xác định đất nông nghiệp thôn Quảng Sơn thuộc vị trí 1	
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất NTS - Thửa số 32, mảnh trích đo số 01-2021)	m <sup>2</sup>	149,9			20.000		1	2.998.000		
3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất NTS - Thửa số 33, mảnh trích đo số 01-2021)	m <sup>2</sup>	181,9			20.000		1	3.638.000		
<b>2</b>	<b><u>HỘ ÔNG HOÀNG THANH KÍNH VÀ BÀ TRƯỞNG THỊ LÒNG</u></b>								<b>207.267.836</b>		
<b>A</b>	<b><u>ĐẤT ĐAI (=I+II)</u></b>								<b>64.136.880</b>		
<b>I</b>	Trừ đi số tiền đã tính hỗ trợ tại Quyết định số 3455/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của UBND huyện Đắk R'lấp								<b>-54.635.120</b>		
<b>II</b>	<b><u>Bồi thường bổ sung về đất</u></b>								<b>118.772.000</b>		
	Đất trồng cây lâu năm không giáp đường (Thửa số 56, mảnh trích đo số 02-2021)	m <sup>2</sup>	2.969,3			40.000			118.772.000		
<b>B</b>	<b><u>NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC</u></b>								<b>48.113.356</b>		
	<b>Đối với nhà rẫy tính bằng 60% đơn giá nhà ở chính và 93% đơn giá do tường nhà tô nhưng chưa quét vôi</b>										

STT	Kết cấu công trình/Các loại cây trồng	ĐVT	Số lượng	Loại	Hệ số khác	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Tỷ lệ (%)	Hệ số điều chỉnh	Thành tiền (ĐVT: đồng)	Ghi chú	Nội dung khác
1	<b>Nhà rẫy (Cao TB 2,7m):</b> Móng xây gạch ống + đá, khung cột gỗ vuông, tường xây gạch ống cao 0.8m tô trát xi măng kết hợp ván gỗ, nền láng xi măng, không trần, không có cửa, mái lợp tôn sóng vuông. <b>KT: 16,4m*7,4m</b>	m <sup>2</sup>	121,4	0,6	0,93	2.640.000	0,1	0,983	17.573.862	Toàn bộ công trình xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước thời điểm thông báo thu hồi đất trên đất nông nghiệp hỗ trợ bằng 30% đơn giá	(Tại Quyết định số 3455/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 đã được hỗ trợ 20% đơn giá do xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường nên điều chỉnh tính thêm 10% đơn giá)
	Cộng nền láng vữa xi măng.	m <sup>2</sup>	121,4			89.000	0,1	0,983	1.061.742		
	Trừ nền không lát gạch men	m <sup>2</sup>	121,4			-248.000	0,1	0,983	-2.958.563		
	Cộng thêm tường xây lửng	m <sup>3</sup>	121,4			72.000	0,1	0,983	858.938		
2	<b>Mái hiên (Cao TB 2,5m):</b> Khung cột gỗ, nền láng xi măng, mái lợp tôn. <b>KT: 7,4m*4m</b>	m <sup>2</sup>	29,6			523.000	0,1	0,983	1.521.763		
	Cộng nền láng vữa xi măng.	m <sup>2</sup>	29,6			89.000	0,1	0,983	258.962		
3	<b>Mái che lò sấy:</b> Khung cột gỗ, nền láng xi măng, mái lợp tôn. <b>KT: 16,4m*9,5m.</b>	m <sup>2</sup>	155,8			523.000	0,1	0,983	8.009.818		
4	<b>Giếng khoan:</b> Ống nhựa Phi 168, Sâu 61m. (Có điện, không có bơm)(Gia đình sử dụng tưới theo mùa vụ)	m	61,0			738.000	0,1	0,983	4.425.269		
5	<b>Lò sấy cà phê:</b> Ô chứa cà phê tường xây gạch ống dày 100mm tô trát xi măng sàn lưới sắt khung sắt (KT: 5,7m*3m cao 0,8m), hầm dẫn hơi xây gạch ống tô trát xi măng (KT: 7,3m*1m cao 0,8m), lò đốt xây gạch ống tô trát xi măng (KT: 2,8m*0,7m cao 0,7m)	Cái	1			21.701.956	0,8		17.361.565	Công trình không có trong bảng giá nên tính toán bồi thường theo Hồ sơ dự toán bóc tách khối lượng	(Tại Quyết định số 3455/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 đã được hỗ trợ 20% đơn giá, nay điều chỉnh tính thêm 80% đơn giá)
<b>C</b>	<b>CÂY TRỒNG, HOA MÀU</b>								<b>0</b>		

STT	Kết cấu công trình/Các loại cây trồng	ĐVT	Số lượng	Loại	Hệ số khác	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Tỷ lệ (%)	Hệ số điều chỉnh	Thành tiền (ĐVT: đồng)	Ghi chú	Nội dung khác
<b>D</b>	<b><u>CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ</u></b>								<b><u>95.017.600</u></b>		
	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất CLN - Thửa số 56, mảnh trích đo số 02-2021)	m <sup>2</sup>	2.969,3			32.000		1	95.017.600	Theo Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông xác định đất nông nghiệp thôn Quảng Sơn thuộc vị trí 1	
<b>3</b>	<b><u>HỘ ÔNG TRẦN VĂN THÀNH VÀ NGUYỄN THỊ XUÂN</u></b>								<b><u>208.981.576</u></b>		
<b>A</b>	<b><u>ĐẤT ĐAI (=I+II)</u></b>								<b><u>74.649.600</u></b>		
<b>I</b>	Trừ đi số tiền đã tính hỗ trợ tại Quyết định số 3455/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của UBND huyện Đắk R'lấp								<b><u>-63.590.400</u></b>		
<b>II</b>	<b><u>Bồi thường bổ sung về đất</u></b>								<b><u>138.240.000</u></b>		
	Đất trồng cây lâu năm không giáp đường (Thửa số 87, mảnh trích đo số 02-2021)	m <sup>2</sup>	3.456,0			40.000			138.240.000		
<b>B</b>	<b><u>NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC</u></b>								<b><u>23.739.976</u></b>		
	<b>Đối với nhà hỗ trợ nông nghiệp tính bằng 60% đơn giá nhà ở chính và 93% đơn giá do tường nhà tô nhưng chưa quét vôi</b>										

STT	Kết cấu công trình/Các loại cây trồng	ĐVT	Số lượng	Loại	Hệ số khác	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Tỷ lệ (%)	Hệ số điều chỉnh	Thành tiền (ĐVT: đồng)	Ghi chú	Nội dung khác
1	Nhà xưởng phục vụ lò sấy cà phê (Cao TB 4,5m): Móng xây đá chẻ, tường xây gạch ống tô trát xi măng, nền láng xi măng, không trần, mái lợp tôn sóng vuông. (Diện tích 40,1m <sup>2</sup> xây dựng trên đất sông suối tự nhiên)	m <sup>2</sup>	40,1	0,6	0,93	3.363.000	0,1	0,983	7.397.057	Công trình xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước thời điểm thông báo thu hồi đất trên đất nông nghiệp hỗ trợ bằng 30% đơn giá	(Tại Quyết định số 3455/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 đã được hỗ trợ 20% đơn giá do xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường nên điều chỉnh tính thêm 10% đơn giá)
	Cộng nền láng vữa xi măng.	m <sup>2</sup>	40,1			89.000	0,1	0,983	350.823		
	Trừ nền không lát gạch men	m <sup>2</sup>	40,1			-248.000	0,1	0,983	-977.574		
	Trừ không đóng trần tôn lạnh	m <sup>2</sup>	40,1			-134.000	0,1	0,983	-528.205		
2	Gian trước (Cao TB 3,5m): Móng xây đá chẻ, tường xây gạch ống 2 vách, 1 vách đóng ván, nền láng xi măng, mái lợp tôn sóng vuông. (Diện tích 113m <sup>2</sup> xây dựng trên đất sông suối tự nhiên)	m <sup>2</sup>	113,0	0,6	0,93	3.108.000	0,1	0,983	19.264.031		
	Cộng nền láng vữa xi măng.	m <sup>2</sup>	113,0			89.000	0,1	0,983	988.603		
	Trừ nền không lát gạch men	m <sup>2</sup>	113,0			-248.000	0,1	0,983	-2.754.759		
<b>C</b>	<b><u>CÂY TRỒNG, HOA MÀU</u></b>								<b><u>0</u></b>		
<b>D</b>	<b><u>CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ</u></b>								<b><u>110.592.000</u></b>		
	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất CLN - Thửa số 87, mảnh trích đo số 02-2021)	m <sup>2</sup>	3.456,0			32.000		1	110.592.000	Theo Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông xác định đất nông nghiệp thôn Quảng Sơn thuộc vị trí 1	
<b>4</b>	<b>HỌ ÔNG TRƯƠNG TRÚC VÀ BÀ HOÀNG THỊ HOA</b>								<b><u>2.025.397</u></b>		
<b>A</b>	<b><u>ĐẤT ĐAI</u></b>								<b><u>0</u></b>		
<b>B</b>	<b><u>NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC</u></b>								<b><u>2.025.397</u></b>		



STT	Kết cấu công trình/Các loại cây trồng	ĐVT	Số lượng	Loại	Hệ số khác	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Tỷ lệ (%)	Hệ số điều chỉnh	Thành tiền (ĐVT: đồng)	Ghi chú	Nội dung khác
	<b>Bể nuôi cá trê:</b> Tường xây gạch ống tô trát xi măng mặt trong, mặt trong quét xi măng nguyên chất, cao 1,1m. <b>KT: 5,3m*21,6m.</b>	m <sup>2</sup>	114,5							Tổng diện tích: 114,5m <sup>2</sup> . Trong đó: Diện tích xây dựng trên đất đã thu hồi thuộc Dự án Đập ngăn nước hồ cầu tư: 98,3m <sup>2</sup> . Diện tích còn lại đủ điều kiện hỗ trợ: 16,2m <sup>2</sup>	
	<b>Theo Biên bản xác minh ngày 11/6/2024 xác định Diện tích đủ điều kiện hỗ trợ: 16,2m<sup>2</sup></b>										
	Xây tường gạch ống dày 100mm	m <sup>2</sup>	22,2			134.000	0,3	0,983	878.059	Thời điểm xây dựng từ 01/7/2014 đến trước thời điểm thông báo thu hồi đất ngày 15/6/2022 trên đất nông nghiệp hỗ trợ bằng 30% đơn giá	
	Trát tường	m <sup>2</sup>	22,2			86.000	0,3	0,983	563.530		
	Láng nền bê	m <sup>2</sup>	16,2			89.000	0,3	0,983	425.187		
	Quét xi măng nguyên chất	m <sup>2</sup>	38,4			14.000	0,3	0,983	158.621		
<b>C</b>	<b>CÂY TRỒNG, HOA MÀU</b>								<b>0</b>		
<b>D</b>	<b>CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ</b>								<b>0</b>		
<b>5</b>	<b>HỘ ÔNG TRƯƠNG VINH PHÁT VÀ BÀ NGUYỄN THỊ TRIỆU NGÂN</b>								<b>18.035.600</b>		
<b>A</b>	<b>ĐẤT ĐAI</b>								<b>0</b>		
<b>B</b>	<b>NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC</b>								<b>0</b>		
<b>C</b>	<b>CÂY TRỒNG, HOA MÀU</b>								<b>18.035.600</b>		
	Bơ ghép kinh doanh năm 4	Cây	2	A		3.424.000			6.848.000	Trồng năm 2015	Bổ sung theo Biên bản xác minh thực tế ngày 10/11/2023
	Bơ thường kinh doanh năm 4	Cây	2			1.444.200			2.888.400	Trồng năm 2010	
	Mít ghép kinh doanh năm 3 trở lên	Cây	6	A		1.092.000			6.552.000	Trồng năm 2017	
	Mít ghép kinh doanh năm 3 trở lên	Cây	2	B		873.600			1.747.200	Trồng năm 2017	
<b>D</b>	<b>CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ</b>								<b>0</b>		
<b>6</b>	<b>HỘ BÀ TRƯƠNG THỊ KHUYÊN VÀ ÔNG NGUYỄN THANH</b>								<b>65.624.942</b>		
<b>A</b>	<b>ĐẤT ĐAI (=I+II)</b>								<b>36.876.400</b>		

STT	Kết cấu công trình/Các loại cây trồng	ĐVT	Số lượng	Loại	Hệ số khác	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Tỷ lệ (%)	Hệ số điều chỉnh	Thành tiền (ĐVT: đồng)	Ghi chú	Nội dung khác
I	Trừ đi số tiền đã tính hỗ trợ đối với diện tích đất được xác định chồng lấn suối theo Bản đồ địa chính 2011 (Hỗ trợ theo loại đất nông nghiệp đang sử dụng căn cứ theo Khoản 1, Điều 25, QĐ số 03/QĐ2021/QĐ-UBND ngày 22/01/2021)								<u>-13.735.600</u>	Phê duyệt tại Quyết định số 3455/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	
II	<b>Bồi thường bổ sung về đất</b>	m <sup>2</sup>	746,5						<u>50.612.000</u>		
1	Đất trồng cây lâu năm tiếp giáp đường đất, diện tích từ mét thứ 30m trở đi (Thửa số 47, mảnh trích đo số 01-2021)	m <sup>2</sup>	71,6			40.000			2.864.000		
2	Đất trồng cây lâu năm tiếp giáp đường đất, diện tích từ 0-30m (Thửa số 49, mảnh trích đo số 01-2021)	m <sup>2</sup>	518,8			80.000			41.504.000		
	Đất trồng cây lâu năm tiếp giáp đường đất, diện tích từ mét thứ 30m trở đi (Thửa số 49, mảnh trích đo số 01-2021)	m <sup>2</sup>	156,1			40.000			6.244.000		
B	<b>NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC</b>								<b>4.860.542</b>		
1	<b>Giếng khoan:</b> Ống nhựa Phi 130, sâu 67m (Có điện, không có bơm) (Gia đình sử dụng tưới theo mùa vụ)	m	67,0			738.000	0,1	0,983	4.860.542	Công trình xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước thời điểm thông báo thu hồi đất trên đất nông nghiệp hỗ trợ bằng 30% đơn giá	(Tại Quyết định số 3455/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 đã được hỗ trợ 20% đơn giá do xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường nên điều chỉnh tính thêm 10% đơn giá)
C	<b>CÂY TRỒNG, HOA MÀU</b>								<b>0</b>		
D	<b>CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ</b>								<b>23.888.000</b>		
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất CLN - Thửa số 47, mảnh trích đo số 01-2021)	m <sup>2</sup>	71,6			32.000		1	2.291.200		
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất CLN - Thửa số 49, mảnh trích đo số 01-2021)	m <sup>2</sup>	674,9			32.000		1	21.596.800		

STT	Kết cấu công trình/Các loại cây trồng	ĐVT	Số lượng	Loại	Hệ số khác	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Tỷ lệ (%)	Hệ số điều chỉnh	Thành tiền (ĐVT: đồng)	Ghi chú	Nội dung khác
7	<b>HỘ ÔNG TRƯƠNG HỮU THÔNG VÀ BÀ NGUYỄN THỊ MỸ THỦY</b>								<u>25.699.354</u>		
A	<b>ĐẤT ĐAI (=I+II)</b>								<u>7.250.760</u>		
I	Trừ đi số tiền đã tính hỗ trợ đối với diện tích đất được xác định chồng lấn suối theo Bản đồ địa chính 2011 (Hỗ trợ theo loại đất nông nghiệp đang sử dụng căn cứ theo Khoản 1, Điều 25, QĐ số 03/Q2021/QĐ-UBND ngày 22/01/2021)								<u>-6.040.240</u>	Phê duyệt tại Quyết định số 3455/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	
II	<b>Bồi thường bổ sung về đất</b>	m <sup>2</sup>	<b>424,3</b>						<u>13.291.000</u>		
1	Đất trồng cây lâu năm tiếp giáp đường đất, diện tích từ mét thứ 30m trở đi (Thửa số 36, mảnh trích đo số 01-2021) ( <b>Lô 2</b> )	m <sup>2</sup>	178,9			40.000			7.156.000		
2	Đất nuôi trồng thủy sản (Thửa số 37, mảnh trích đo số 01-2021) ( <b>Lô 2</b> )	m <sup>2</sup>	245,4			25.000			6.135.000		
B	<b>NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC</b>								<u>7.815.794</u>		
4	Khối lượng đất đào ao: Sâu 3m. Diện tích 245,4m <sup>2</sup> (Thửa số 37, mảnh trích đo số 01-2021)	m <sup>3</sup>	736,2			27.000	0,4	0,983	7.815.794	Vận dụng đơn giá tại Phần B, mục I.1 QĐ số 23/2021/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông	(Tại Quyết định số 3455/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 đã được hỗ trợ 60% đơn giá do xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường nên điều chỉnh tính thêm 40% đơn giá)
C	<b>CÂY TRỒNG, HOA MÀU</b>								<b>0</b>		
D	<b>CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ</b>								<u>10.632.800</u>		
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất CLN - Thửa số 36, mảnh trích đo số 01-2021)	m <sup>2</sup>	178,9			32.000		1	5.724.800		
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất NTS - Thửa số 37, mảnh trích đo số 01-2021)	m <sup>2</sup>	245,4			20.000		1	4.908.000		

STT	Kết cấu công trình/Các loại cây trồng	ĐVT	Số lượng	Loại	Hệ số khác	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Tỷ lệ (%)	Hệ số điều chỉnh	Thành tiền (ĐVT: đồng)	Ghi chú	Nội dung khác
8	HỘ ÔNG NGUYỄN TRUYỀN VÀ BÀ TRƯỞNG THỊ HUỖNH								23.799.300		
A	<b>ĐẤT ĐAI (=I+II)</b>								8.256.900		
I	Trừ đi số tiền đã tính hỗ trợ đối với diện tích đất được xác định chồng lấn suôi theo Bản đồ địa chính 2011 (Hỗ trợ theo loại đất nông nghiệp đang sử dụng căn cứ theo Khoản 1, Điều 25, QĐ số 03/Q2021/QĐ-UBND ngày 22/01/2021)								-11.171.100	Phê duyệt tại Quyết định số 3455/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	
II	<b>Bồi thường bổ sung về đất</b>								19.428.000		
	Đất trồng cây lâu năm không giáp đường (Thửa số 92, mảnh trích đo số 02-2021)	m <sup>2</sup>	485,7			40.000			19.428.000		
B	<b>NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC</b>								0		
C	<b>CÂY TRỒNG, HOA MÀU</b>								0		
D	<b>CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ</b>								15.542.400		
	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đất CLN - Thửa số 92, mảnh trích đo số 02-2021)	m <sup>2</sup>	485,7			32.000		1	15.542.400		
	<b>TỔNG CỘNG</b>								602.148.687	đồng	

+ Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

614.191.662 đồng

(Số tiền bằng chữ: Sáu trăm mười bốn triệu, một trăm chín mươi một nghìn, sáu trăm sáu mươi hai đồng)

**Trong đó:**

a/ Tổng kinh phí chi trả cho các hộ dân:

602.148.688 đồng

- Bồi thường, hỗ trợ về đất đai:

208.828.180 đồng

- Bồi thường, hỗ trợ về nhà, công trình VKT:

93.600.108 đồng

- Bồi thường, hỗ trợ về cây trồng, hoa màu:

18.035.600 đồng

- Các khoản chính sách hỗ trợ:

281.684.800 đồng

b/ Chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, GPMB (2%):

12.042.974 đồng